TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ---------- **Số: 115/2023/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- K, ngày 06 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2023, giữa:

*/ **Nguyên đơn**: Chị Đồng Thị C, sinh năm 1993.
Quê quán: xã H1, huyện K, tỉnh H.
HKTT, trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.
*/ **Bị đơn**: Anh Đỗ Hữu S, sinh năm 1986.
Sinh trú quán và HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.
*/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Cháu Đỗ Thị Quỳnh C1, sinh ngày 25/04/2012.
- Cháu Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 12/09/2014.
Người giám hộ cho cháu C1 và cháu D: Anh Đỗ Hữu S và chị Đồng Thị C.
Đều HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 ; Điều 84– Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 06 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 06 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Chị Đồng Thị C và anh Đỗ Hữu S.

2/ **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***/ Về quan hệ vợ chồng**:* Nguyên đơn chị Đồng Thị C và bị đơn Đỗ Hữu S đều nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

/ Về con chung: Cả hai vợ chồng khẳng định: có hai con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh C1, sinh ngày 25/04/2012 và cháu Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 12/09/2014. Hiện nay cháu C1 đang ở cùng chị C và cháu D đang ở cùng anh S. Cả hai bên tự nguyện thống nhất:

+ Giao cháu Đỗ Thị Quỳnh C1, cho chị Đồng Thị C1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Giao cháu Đỗ Thị Bích D, cho anh Đỗ Hữu S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc đóng góp nuôi con chung cả hai không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị C và anh S đều được quyền xin thay đổi việc nuôi con, quyền đilại thăm và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

/ Về tài sản, công nợ chung, về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của chị C và anh S: không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

/ Về án phí: Chị Đồng Thị C tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0008366, ngày 13/06/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu, chị Đồng Thị C còn được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phú thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- UBND xã nơi ĐKHH;
- Lưu hồ sơ;

Đào Duy Tr